

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 01 - 2024

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Lên;
- Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1970, vắng mặt.

Cùng địa chỉ HKTT: Ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

Cùng địa chỉ nơi ở hiện nay: Số A, đường B, Khu phố B, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2023 của ông Nguyễn Văn T và phần trình bày của ông T trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị Kim C tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 04 năm trở lại đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tin tưởng yêu thương nhau, ông T1 thừa nhận có quen biết người phụ nữ khác, bà C phát hiện và phản đối. Mặc dù ông T1 và bà C dù vẫn sống cùng nhà nhưng đã ly thân, không sinh hoạt cùng nhau, hai bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó ông T1 yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Nga M, sinh ngày 10/6/1993 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 14/12/1994, cả hai

con đã trưởng thành, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, tự lao động kiếm sống nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Kim C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà C không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Kim C, ông T cung cấp địa chỉ (có xác nhận của Công an phường) thể hiện bà C hiện nay đang cư trú tại Khu phố B, Phường B, thị xã K. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Lê Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bà C đã được Tòa án cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C theo quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy kết hôn thể hiện ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An theo số 01/1992 ngày 10/02/1992. Ông T xác định việc tiến đến hôn nhân là tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông T yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có khả năng hàn gắn, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ năm 2019 đến nay. Bị đơn bà C đã được cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày như vậy chứng tỏ không còn quan tâm đến hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà C.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà C có hai con chung tên Nguyễn Thị Nga M, sinh năm 1993 và Nguyễn Anh T2, sinh năm 1994. Cả hai con chung đều trưởng thành, ông T không có ý kiến yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không tranh chấp về tài sản chung, xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Bị đơn bà C không có ý kiến yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn T với bà Lê Thị Kim C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Kim C.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim C có 02 con chung là Nguyễn Thị Nga M, sinh năm 1993 và Nguyễn Anh T2, sinh năm 1994 đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003064 ngày 10/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Kim C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Dương sự;
- UBND xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung